

Bản án số: 203/2023/DS-PT

Ngày: 30 -9-2023

*V/v Tranh chấp chia tài sản
chung là quyền sử dụng đất và
tranh chấp về thừa kế tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Bà Lê Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2023/TLPT ngày 25/7/2023 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2023/QĐPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Dương Vĩnh T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố Thanh Bình, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Bà Hồ Thị Hồng V, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông Nguyễn Đức V1, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố Phú Lộc, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Thị Hồng Đ, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Ấp 6, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Chị Hồ Thị Ngọc A, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Anh Hồ Ngọc D, sinh năm 2000; Địa chỉ: Ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Hoàng Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Ngọc A

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày: Năm 1994 bà T kết hôn với ông Hồ Ngọc H, sinh năm: 1968, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Đ, tỉnh Sông Bé (cũ). Năm 1996 bà T nhập hộ khẩu vào hộ khẩu của gia đình chồng là hộ bà Nguyễn Thị Ba và sống chung với bố mẹ chồng.

Năm 1999 hộ gia đình bà Ba trong đó có vợ chồng bà T được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 13048m² tại xã Tân Hưng (nay là xã T). Năm 2000 vợ chồng bà T ở riêng nhưng vẫn còn chung hộ khẩu với gia đình bà Ba.

Năm 2011 chồng bà T ông Hồ Ngọc H chết không để lại di chúc. Tháng 9/2016 bố chồng bà T là ông Hồ Văn Cáp (Hồ Cáp) chết không để lại di chúc. Tháng 12/2016 bà Nguyễn Thị Ba chết, không để lại di chúc. Hiện tại bà Hồ Thị Hồng V là người quản lý khối tài sản này. Bà T là yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của hộ gia đình ông Hồ Văn Cáp (Hồ Cáp) là diện tích đất 13048m² thuộc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số: 36, tọa lạc tại Ấp 4, xã T, thành phố Đ. Cụ thể: bà T yêu cầu chia diện tích đất trên thành 06 phần, tương ứng với 06 thành viên trong hộ gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999.

Đối với các tài sản gắn liền với đất thì bà T thống nhất tài sản trên đất giao bà V quản lý, sử dụng. Khi tòa án chia đất thì bà T thống nhất phần đất của gia đình bà được chia có tài sản trên đất (là cây) thì bà V phải cưa bỏ để gia đình quản lý, sử dụng đất. Bà T đồng ý dành 01 phần diện tích đất 13048m² thuộc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số: 36 làm di sản thờ cúng.

Dại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị Hồng V là ông Nguyễn Đức V1 trình bày: Nguồn gốc đất 13048m² thuộc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số: 36 có từ năm 1978 trước thời điểm bà T về làm dâu và chị A chưa sinh. Sau khi ông Cáp, bà Ba chết thì bà V là người quản lý và sử dụng khối tài sản này. Nội dung này đã được những người làm chứng, ban quản lý ấp, Giám đốc Nông trường cao su Tân Lợi (thời điểm năm 1978), ban điều hành ấp và Ủy ban nhân dân xã T xác nhận (Biên bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đ ngày 06 tháng 8 năm 2020). Bà V đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, bác yêu cầu độc lập của chị A. Yêu cầu Tòa án chia tài sản thành 04 phần: 01 phần làm nhà để thờ cúng, 03 phần còn lại giao cho: bà V, bà T (vợ ông H), bà Đ và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của Bà Đ.

Bà V thống nhất với các đương sự về việc giao và xử lý tài sản trên đất. Khi Tòa án chia tài sản là quyền sử dụng đất và khi bản án có hiệu lực pháp luật

thì các tài sản trên đất là cây cối không thuộc phần đất của bà V thì bà V có trách nhiệm cắt bỏ theo thỏa thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Hồ Thị Ngọc A trình bày: Chị A thống nhất với lời trình bày của bà T về nội dung vụ việc. Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của hộ gia đình ông Hồ Tân Văn Cáp (Hồ Cáp) là diện tích đất 13048m² thuộc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số: 36, tọa lạc tại: Ấp 4, xã T, thành phố Đ. Cụ thể: Chị A yêu cầu chia diện tích đất trên thành 06 phần, tương ứng với 06 thành viên trong hộ gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 trong đó chị A được nhận 01 phần tương ứng.

Đối với các tài sản gắn liền với đất thì chị A thống nhất tài sản trên đất giao bà V quản lý, sử dụng. Khi Tòa án chia đất thì chị A thống nhất phần đất của gia đình chị A được chia có tài sản trên đất (là cây) thì bà V phải cưa bỏ để gia đình quản lý, sử dụng đất. Chị A đồng ý dành 01 phần diện tích đất 13048m² thuộc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số: 36 làm di sản thờ cúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Hồ Thị Hồng Đ trình bày: Về nguồn gốc đất bà Đ thống nhất với ý kiến của bà V. Bà Đ là con ruột của ông Cáp, bà Ba. Bố mẹ bà Đ là bà Ba, ông Cáp chết không để lại di chúc. Bà Đ yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích đất 13048m² thuộc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số: 36 là di sản thừa kế và chia di sản thừa kế thành 04 phần: 01 phần làm nhà để thờ cúng cha mẹ, 03 phần còn lại giao cho: bà V, bà T (vợ ông H) và bà Đ.

Đối với các tài sản gắn liền với đất thì bà Đ thống nhất tài sản trên đất giao bà V quản lý, sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số: 36.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Hồ Thị Ngọc A về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số: 36.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hồ Thị Hồng Đ về việc chia di sản thừa kế.

- Bà Hồ Thị Hồng V được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất là 4697,28m² (trong đó có 133,3m² đất thổ cư) thuộc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số: 36, tọa lạc tại Ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bà Hồ Thị Hồng Đ được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất là 4697,28m² (trong đó có 133,3m² đất thổ cư) thuộc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số: 36, tọa lạc tại Ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bà Hoàng Thị T, chị Hồ Thị Ngọc A, anh Hồ Ngọc D được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất là 3653,44m² (trong đó có 133,3m² đất thổ cư) thuộc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số: 36, tọa lạc tại Ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

(Theo mảnh trích đo đã được chỉnh lý của Công ty TNHH MTV Thương Mại Thái Huy)

Các đương sự được quyền đăng ký kê khai, đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích được chia theo Quyết định của bản án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết bà Đ về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/01/2023 nguyên đơn bà Hoàng Thị T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 09/01/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Ngọc A có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của chị A.

Ngày 30/01/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 19/01/2023 đối với Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước theo hướng hủy án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự thống nhất các vấn đề sau:

- Ông Hồ Văn Cáp (Hồ Cáp) chung sống với bà Nguyễn Thị Ba có 03 người con là: Hồ Ngọc H, Hồ Thị Hồng V, Hồ Thị Hồng Đ.

- Năm 2011 ông H (chết) đến năm 2016 thì ông Cáp (Cáp), bà Ba (chết).

- Diện tích đất các bên tranh chấp là 13.048m² (trong đó có 400m² thổ cư) thuộc thửa 210, tờ bản đồ số 36, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 114490 cấp đổi ngày 24/12/2009. Trên đất có trồng Điều, cao su, cây ăn trái và có một căn nhà.

- Ông Hồ Ngọc H chung sống với bà Hoàng Thị T theo giấy đăng ký kết hôn ngày 11/3/1994 có 02 người con: Hồ Thị Ngọc A sinh năm 1995, Hồ Ngọc D sinh năm 2000.

Diện tích đất tranh chấp 13.048m² được tách từ diện tích 25000m² do Nông trường cao su Quốc doanh Đồng Phú (nay là nông trường cao su Tân Lợi) cấp cho ông Cáp, bà Ba vào năm 1979 – 1980 có trước khi bà T chung sống với ông H. Ngày 26/10/1999 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1110/QSĐĐ/653/QĐ-UB (H) cho hộ ông Hồ Văn Cáp (cấp lần đầu) được cấp đổi vào ngày 24/12/2009 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 9288/QSĐĐ/7761/QĐUB cho hộ ông Hồ Văn Cáp với diện tích 13.048m² trong đó có 400m² ONT.

- Người kháng cáo chị Hồ Thị Ngọc A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo bà Hoàng Thị T thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát hủy bản án sơ thẩm vì Tòa cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Các bên đương sự giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày không bổ sung gì thêm; các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 19/01/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, hủy bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN BÀ Đ CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận bà Đ:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị T, chị Hồ Thị Ngọc A làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp tại các Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ là trong thời hạn quy định tại Điều 280, hình thức kháng nghị phù hợp theo quy định tại Điều 279 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bà T, chị A và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị T cũng như đại diện ủy quyền của bà T căn cứ vào giấy đăng ký kết hôn ngày 11/3/1994 của bà với ông Hồ Ngọc H(BL 90); Căn cứ sổ hộ khẩu gia đình đăng ký ngày 16/4/1990 (BL 121-124) thu thập tại Công an thành phố Đ có tên của bà cũng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1110/QSĐĐ/653/QĐ-UB (H) cấp cho hộ ông Hồ Văn Cáp ngày 26/10/1999 (cấp lần đầu) để xác bà Đ nguồn gốc diện tích đất hiện nay tranh chấp là tài sản chung của hộ gia đình để khởi kiện.

Căn cứ tài liệu do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ cung cấp (BL 129-132), thì đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 18/3/1999 của ông Hồ Văn Cáp xác bà Đ nguồn gốc thửa đất là do Nông trường Quốc doanh Đồng Phú giao từ năm 1978 cho hộ gia đình ông Cáp. Năm 1999 hộ gia đình ông Cáp được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bốn thửa đất cấp chung với tổng diện tích hơn 25.000m²). Năm 2009 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích 13.048m² thuộc thửa 210, tờ bản đồ số 36 tại xã Tân Hưng (nay là xã T) được tách thành giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất riêng và trong hồ sơ chỉ có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu và cấp đổi, không có sổ hộ khẩu gia đình, không có tài liệu thể hiện hộ gia đình sử dụng đất được chứng nhận bao gồm những ai.

Căn cứ Sổ hộ khẩu gia đình đăng ký ngày 16/4/1990 (BL 121-124) thu thập tại Công an thành phố Đ, thì hộ gia đình bà Ba gồm: bà Ba chủ hộ; ông Cáp, bà Ba, ông H, bà V, bà Đ, bà T, chị A, anh D. Trong đó, có thể hiện bà Đ tách hộ từ ngày 25/11/1996; bà T chuyển đi ngày 26/12/1996. Tuy nhiên, theo tờ khai mục kê trong hồ sơ vụ án, Hộ gia đình bà Ba gồm có 5 người là: Bà Ba chủ hộ, ông Cáp, ông H, bà V và bà Đ.

Như vậy, tài liệu chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất tranh chấp, thành viên hộ gia đình quản lý sử dụng đất còn mâu thuẫn. Nhưng khi giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm không đưa UBND thành phố Đ tham gia tố tụng để làm rõ thêm nguồn gốc đất, trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thành viên hộ gia đình được cấp quyền sử dụng đất tại thời điểm giao đất có những ai, công sức đóng góp của các thành viên hộ gia đình như thế nào mà lại xác bà Đ “quyền sử dụng đất với diện tích 13.048m², thuộc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số: 36 là tài sản chung hộ gia đình ông Cáp, bà Ba gồm 05 người là ông Cáp, bà Ba, bà V, ông H và bà Bà Đ” để phân chia tài sản thành năm phần bằng nhau là chưa xem xét đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Hơn nữa, theo đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà T ngày 07/01/2020 (BL 15-16) cũng như tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự bà V, bà Đ, bà T và anh D xác bà Đ khi ông Cáp (Cáp) chết năm 2016 có để lại di chúc cho anh D ba thửa đất số 189, 199, 203 tờ bản đồ số 36 có các diện tích 3.663m², 1050m² và 7.326m² nhưng nội dung di chúc này như thế nào, có liên quan đến diện tích hiện nay đang tranh chấp hay không, cũng chưa được thu thập xác minh làm rõ để có căn cứ xem xét đến quyền lợi của các đương sự trong vụ án là thu thập, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của các đương sự và sự thật khách quan của vụ án theo quy bà Đ tại các Điều 93, 97, 108 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 1 Luật đất đai năm 1993; Điều 3 Luật đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung:

Theo sơ đồ đo đạc ngày 12/5/2020 của Công ty TNHH MTV Thương Mại Thái Huy do bà T yêu cầu thì diện tích tranh chấp được phân chia thành sáu phần (BL 81- 82) mỗi phần có diện tích khoản 2.079,9m² đến 2.089,1m² tổng diện tích đo đạc thực tế 12.510,1m² là theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Nhưng quá trình xem xét giải quyết Tòa án sơ thẩm lại xác bà Đ diện tích 13.048m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của năm thành viên hộ gia đình gồm bà Ba, ông Cáp (Cáp), ông H, bà V, bà Đ để xác bà Đ mỗi thành viên trong gia đình được hưởng 1/5 tài sản chung là 2.609,6m². Sau đó xác bà Đ di sản thừa kế của ông H, ông Cáp (Cáp), bà Ba để tiếp tục chia và tuyên bà V, bà Đ mỗi người được hưởng diện tích 4.697,28m² trong đó có 133,3m² đất thổ cư còn bà Hoàng Thị T, chị Hồ Thị Ngọc A, anh Hồ Ngọc D được hưởng diện tích 3.653,44m², có 133,3m² đất thổ cư nhưng không có sơ đồ đã được chỉnh lý của Công ty TNHH MTV Thương Mại Thái Huy thể hiện phần diện tích các

đương sự được quản lý, sử dụng.

Hơn nữa, Công ty TNHH MTV Thương Mại Thái Huy là cơ quan đo đạc độc lập nên sơ đồ đo đạc phải được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước kiểm tra phê duyệt mới có giá trị pháp lý sử dụng. Mặt khác, theo biên bản thẩm bà Đ tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 20/7/2020 (BL từ 73 -76) thì tài sản trên đất có một căn nhà bán kiên cố, trồng điều, cao su và một số cây ăn trái mặc dù các bên đương sự không yêu cầu tranh chấp nhưng khi tuyên giao phải xác định tài sản trên đất có những gì mới đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, thế nhưng quyết định Bản án sơ thẩm tuyên chung chung là không đúng với thực tế khách quan vụ án. Do đó quyết định bản án của Tòa sơ thẩm tuyên không thể thi hành án. Vì vậy kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Theo nội dung khởi kiện và đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T (BL: 01, 15,16); đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Bà Đ(BL: từ 37 đến 40), chị Hồ Thị Ngọc A (BL: 31) Các đương sự không yêu cầu chia thừa kế di sản của ông H, nhưng Tòa sơ thẩm lại xác định các thừa kế của ông H và chia cho mỗi người hưởng 1/5 di sản của ông H là 521,92m² khi những người này không có yêu cầu và chưa tạm ứng án phí là vượt quá phạm vi khởi kiện tại Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2.4] Từ những phân tích trên xét thấy Tòa cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, những vi phạm này là không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm. Vì vậy, cần hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Nên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 19/01/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ và kháng cáo của bà T, chị A có căn cứ chấp nhận.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: bà T, chị A không phải chịu.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT BÀ Đ:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận Kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 19/01/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thị T và yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Ngọc A.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị T không phải chịu, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho bà T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004752 ngày 13/02/2023.

Chị Hồ Thị Ngọc A không phải chịu, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho chị A 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004751 ngày 13/02/2023.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND TP. Đ;
- Chi cục THADS TP. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Hùng